TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ D** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21- 06- 2022.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ;
2. Ông Hồ Tấn Lộc.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1977; thường trú: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Long An; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Trường A, sinh năm 1983; thường trú: đường P, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 12 năm 2021 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông M và bà Nguyễn Thị Trường A tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau sau đó đăng ký kết hôn vào năm 2001, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển số 01/2001 ngày 02/03/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp tính tình nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hai vợ

chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh M xác định tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà A.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 17/01/2003, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Ông M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Trường A:* Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Qua xác minh, bà Nguyễn Thị Trường A vẫn còn sinh sống tại địa phương và Ban chấp hành hội liên hiệp phụ nữ phường Đ, thành phố D, không nhận được đơn thư hay trình báo của vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Trường A về mâu thuẫn vợ chồng;

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Trường A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, ông M làm đơn yêu cầu ly hôn với bà A là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, nguyên đơn ông M xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 17/01/2003, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công khai tại phiên tòa, Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Trường A được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiền lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt ông M và bà A.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Trường A có Giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển số 01/2001 ngày 02/03/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông M và bà A là hợp pháp.

[2.1] Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do cả hai người không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, thường cãi nhau; đã nhiều lần hòa giải với nhau, vợ chồng đoàn tụ và giải quyết mâu thuẫn, nhưng vẫn không thay đổi. Từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, nên tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được và đã sống ly thân thời gian dài. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập bị đơn đến làm việc, hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bị đơn không có mặt từ chối việc hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của bị đơn đối với nguyên đơn thực sự không còn và cả hai bên đều không thể hàn gắn.

[2.2] Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc bị đơn không quan tâm đến hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Tòa án chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Ông M xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 17/01/2003, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] *Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Ông M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố D phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử. Do vậy, được chấp nhận.

[6] *Về án phí Hôn nhân sơ thẩm*: Ông M chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Trường A.*

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn M được ly hôn với và bà Nguyễn Thị Trường A (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06 quyển số 01/2001 ngày 02/03/2001 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Long An, cấp).

1.2 Về con chung: Tên Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 17/01/2003, đã trưởng thành nguyên đơn ông M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Nguyễn Văn M không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

2. *Về án phí:* Ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0003373 ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND TP D (1);
- CC THADS TP D (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã B, h C, t LongAn (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Quân